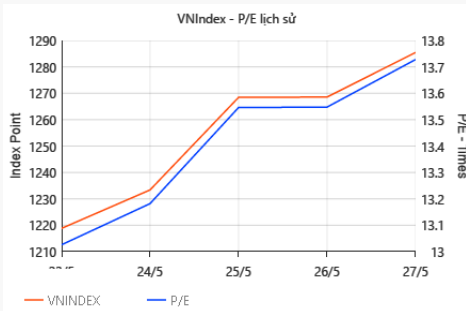


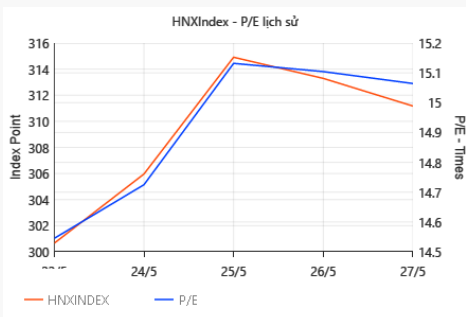


VN-INDEX



Điểm số	1,285.45
Tuần qua (WoW)	3.61%
Từ đầu năm (YTD)	-14.20%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	5.71%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	7.61%
P/E	13.73
P/B	2.19

HNX -INDEX



Điểm số	311.17
Tuần qua (WoW)	1.35%
Từ đầu năm (YTD)	-34.35%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	6.88%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	9.18%
P/E	15.06
P/B	1.76

HỒI PHỤC

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Việc thị trường vẫn cho thấy về mặt vận động ngắn hạn đang có 1 số nét đồng pha với nhịp giảm đầu tiên tại năm 2018. Điều này đến từ việc diễn biến tâm lý trong ngắn hạn khá tương đồng. Chúng tôi cũng có quan điểm cần thận trọng trong giai đoạn đang có nhiều biến số nhưng cũng nhận thấy vùng điểm 1,200 (và dưới 1 chút) đã cho thấy sự hỗ trợ tốt giúp tạm thời ngừng lại đà giảm sâu. Vùng định giá rất thấp so với lịch sử đã thu hút dòng tiền tham gia mua vào trong khi áp lực bán đã được giảm xuống cả từ việc bán giải chấp margin lẫn áp lực bán cắt lỗ nhằm thoát vị thế cổ phiếu.

Do giá của khá nhiều cổ phiếu đã chiết khấu khá sâu so với thời điểm cuối quý 1 nên với các cổ phiếu đã điều chỉnh đủ biên độ cho cả sóng tăng điểm dài hạn từ 2020, trong khi triển vọng tăng trưởng ít nhạy cảm với các diễn biến vĩ mô, thì phần biên độ giảm (downside) sẽ không còn nhiều kể cả trong trường hợp thị trường giảm sâu và phá vỡ hỗ trợ 1,200 (là kịch bản rất tiêu cực). Do vậy, chúng tôi vẫn cho rằng đây là vùng điểm có thể giải ngân nhưng cần kỷ luật và thận trọng: đối với các vị thế nắm giữ dài hạn cần tránh mua đuổi, kiên nhẫn tích lũy cổ phiếu tại nhịp điều chỉnh ngắn hạn, đối với các vị thế giao dịch ngắn hạn, cần tuân thủ kỷ luật và sẵn sàng thực hiện cắt lỗ theo đúng kế hoạch do xét về rủi ro biến động thì xác suất giảm tiếp không hề nhỏ nếu dòng tiền yếu hoặc có thêm tin tiêu cực bất thường.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường đã xác nhận bật tăng tiếp trong ít nhất là ngắn hạn. Với những vị thế được xác định là trung dài hạn thì không cần phải quá vội vàng mua khi giá tăng. Ngược lại, xu hướng chung của thị trường vẫn đang nằm trong phạm vi tác động của nhịp giảm mạnh trước đó nên việc mở mới các vị thế ngắn hạn lúc này vẫn mang tính đi ngược xu hướng, do đó tiềm ẩn rủi ro.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	55.8%		-20.9%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	72.2%		-28.5%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		20.0%	201.5%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	42.2%		-18.7%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	11.7%		19.1%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		94.8%	403.1%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	36.5%		-2.0%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	11.3%		20.0%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		28.3%	47.1%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		79.8%	101.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		9.2%	76.7%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		26.1%	121.2%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	16.4%		121.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	19.8%		6.1%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		26.4%	63.3%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		45.6%	139.8%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	27.5%		-4.6%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	12.5%		29.0%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-38.8%
TNG	24/08/21	25,060 - 26,450	34,780	23,600	1:3	14.6%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-6.5%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	39.4%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	10.7%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-0.7%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	56.7%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	97.0%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-13.6%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-8.1%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	10.9%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-21.9%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	48.4%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-27.2%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	53.3%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	58.0%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	6.0%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	27.2%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-23.0%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	1.5%
GEG*	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	28.6%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	18.4%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	4.0%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	108.2%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	31.7%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	73.8%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-2.3%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	7.0%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	56.6%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	71.1%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	5.2%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	125.2%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	95.8%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	139.9%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	165.7%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã có 2 tuần hồi phục liên tiếp với thanh khoản có phần cải thiện. VN-Index đã hồi phục 3.6% trong tuần để quay về gần ngưỡng 1.300. Nhóm Midcap vẫn là nhóm dẫn đầu đà hồi phục với mức tăng 4.8% trong khi VNSmallcap tăng 4.54% và VN30 tăng 4.15%.

Đà tăng được hỗ trợ bởi nhiều trụ thị trường gồm FPT (+14.7% wow), VHM (+4.3%), GAS (+5.3%) hay VNM (+7.2%). Tuy nhiên trong bức tranh tích cực thì ở phía đà giảm có cái tên HPG (-5.8%). Mức giảm dù không nhiều nhưng thu hút sự chú ý vì diễn ra ngay sau khi chủ tịch HPG đưa ra triển vọng thận trọng, kém khả quan trong Đại hội cổ đông.

Việc 3 cổ phiếu trong nhóm FLC là FLC, ROS và HAI bị hạn chế giao dịch (chỉ vào phiên chiều) cũng khiến cho top các mã chiếm thanh khoản cao trên thị trường không còn xuất hiện nhóm đầu cơ cao này. Những động thái mạnh tay của chính phủ đang gửi một thông điệp khá rõ ràng tới thị trường.

Xét về các nhóm ngành, Công nghệ thông tin, Bán lẻ, Hàng cá nhân và gia dụng là 3 ngành vận động tích cực nhất với những cái tên như: FPT, FRT (+22.4%), DGW (+17.6%), PNJ (+15.4%).

Khối ngoại có tuần bán ròng dù vậy mức bán không quá lớn để gây bất ngờ. HPG là cái tên bị bán mạnh nhất trong khi ở chiều ngược lại lại là một lực mua ròng lớn ETF Diamond (FUEVFNVD).

Tuần qua là giai đoạn số liệu tự doanh trên sàn được cung cấp đầy đủ không chỉ tại HSX mà còn cả HNX và Upcom (dù giá trị 2 sàn này không đáng kể) và cũng đánh dấu tuần mua ròng với giá trị khá lớn, đặc biệt là phiên thứ 6 với việc mua ròng hơn 1,000 tỷ (tập trung tại HSX). Các mã bluechip hàng tiêu dùng như PNJ, MWG và công nghệ thông tin như FPT là các mã được tập trung mua chính.

Tuần qua cũng là một tuần tăng điểm chung của các thị trường cổ phiếu trên toàn cầu với đà tăng mạnh nhất đến từ thị trường Mỹ khi cả 3 chỉ số chính S&P500, Dow Jones và Nasdaq đều có mức tăng trên 6%. Với một số dữ liệu kinh tế Mỹ mới công bố gần đây yếu đi, thị trường đang hạ dự báo mức lãi suất cao nhất FED có thể tăng lên sẽ là 3% thay vì 3.5% như dự báo 1 tuần trước. Một số tín hiệu yếu đi của nền kinh tế thể hiện ở mức sụt giảm lớn ở doanh số bán nhà tại Mỹ, chỉ số mua hàng của nhà sản xuất (PMI) cũng giảm nhẹ dù duy trì trên 50 và chỉ số chi phí tiêu dùng cá nhân lõi (Core PCE) – thước đo lạm phát được FED ưu tiên lựa chọn – đã giảm tháng thứ 2 liên tiếp.

Tại Châu Âu, NHTW Khu vực này cũng đang có kế hoạch kết thúc chương trình mua tài sản trong quý 3 và từ đó nâng lãi suất từ -0.5% lên 0%. Tác động kết hợp giữa việc ECB thắt chặt mạnh hơn và FED thắt chặt không mạnh như dự báo trước đây đã là cơ sở để chỉ số đồng USD giảm nhẹ trong tuần.



VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 3.6%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và cao hơn nhiều mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và xấp xỉ mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường mở cửa tích cực nhưng đóng cửa ngày thứ hai đầu tuần lại thấp hơn hẳn tham chiếu, dù vậy thì biên độ dao động không quá lớn, lực bán không hề mạnh và vẫn có sự hồi phục từ mức đáy ngày cho thấy sự hiện hữu của lực mua hỗ trợ. VNIndex cho thấy dấu hiệu thắng thế của lực mua trong ngày thứ ba sau đó và đến thứ tư thì là một phiên giao dịch xác nhận phía mua sẵn sàng tham gia với biên độ tăng đáng kể và khối lượng giao dịch lớn. Thị trường có phần chậm lại trong ngày thứ năm nhưng đã tăng trở lại trong ngày thứ sáu cuối tuần, chốt tuần ở mức xấp xỉ cao nhất tuần. Dù vậy thì có một điều đáng chú ý là dù khối lượng giao dịch của ngày thứ sáu lớn hơn trung bình nhưng biên độ tăng thì không quá lớn, điều này cho thấy dù tương quan cung cầu vẫn nghiêng về phía mua nhưng lực bán đối ứng lại đã bắt đầu mạnh lên.



Như vậy là VNIndex đã thoát khỏi vùng biên độ 1,200 – 1,250 và bật tăng trong tuần vừa qua. Cho đến ngày cuối tuần thì lực mua vẫn đang thể hiện được sự trội hơn so với lực bán và chưa có dấu hiệu gì thực sự quá đáng lo ngại.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,180 – 1,200
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

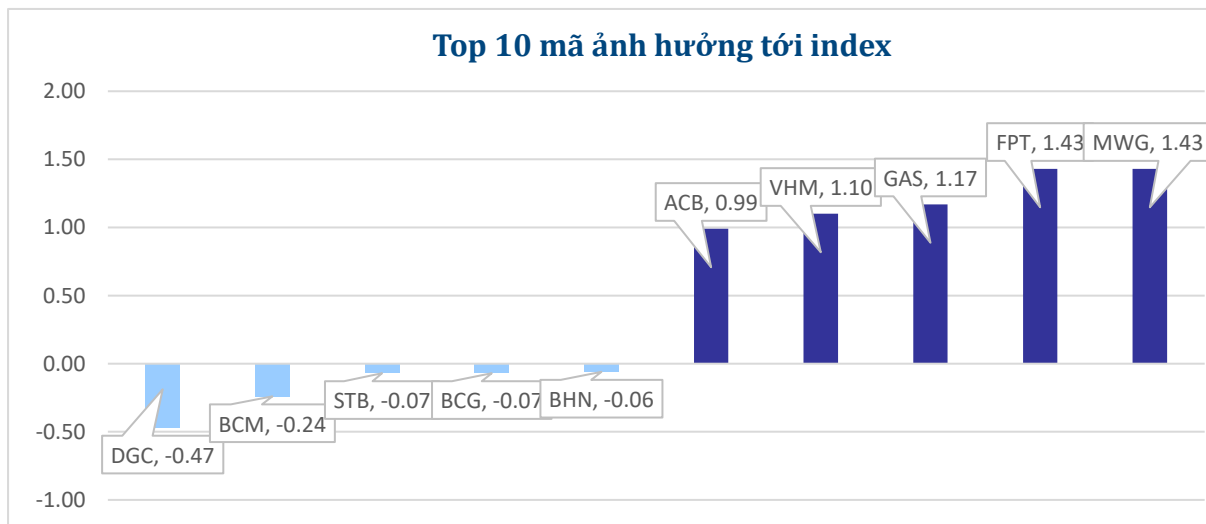
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,285.45	1.33%	16.88	607.22	16,091.2	308	63	129
Vn30 - Index	1,335.68	2.00%	26.18	148.92	6,143.4	29	0	1
Vn - Mid	1,757.82	1.32%	22.87	196.25	6,503.7	44	12	14
VN - Small	1,680.38	0.82%	13.68	130.56	2,222.6	124	30	61
HNX - Index	311.17	-0.68%	-2.12	70.08	1,599.9	122	58	164
Upcom - Index	95.29	0.36%	0.34	57.42	734.9	210	116	139

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	16,091.20	16.89%	607.22	12.05%
HNX	1,599.90	2.56%	70.08	-14.45%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN

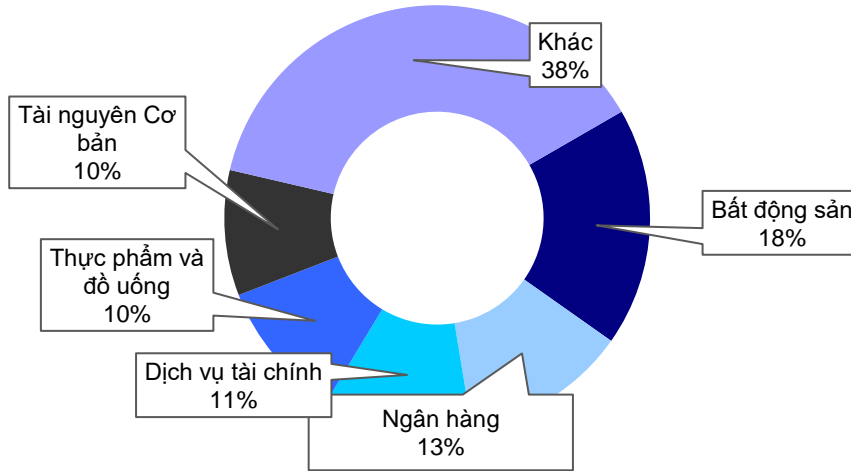


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
FLC	26.99	SSI	626.8	DBC	469%	PNJ	7.0%	HAI	-5.4%
ROS	26.10	DGC	622.0	PNJ	407%	HSG	6.9%	ROS	-4.9%
SSI	21.09	HPG	620.9	MWG	231%	REE	6.9%	DGC	-4.8%
HPG	17.59	FPT	426.8	REE	222%	ANV	6.9%	FLC	-3.7%
HSG	16.15	DIG	417.9	DGC	210%	FRT	6.7%	BCG	-2.6%

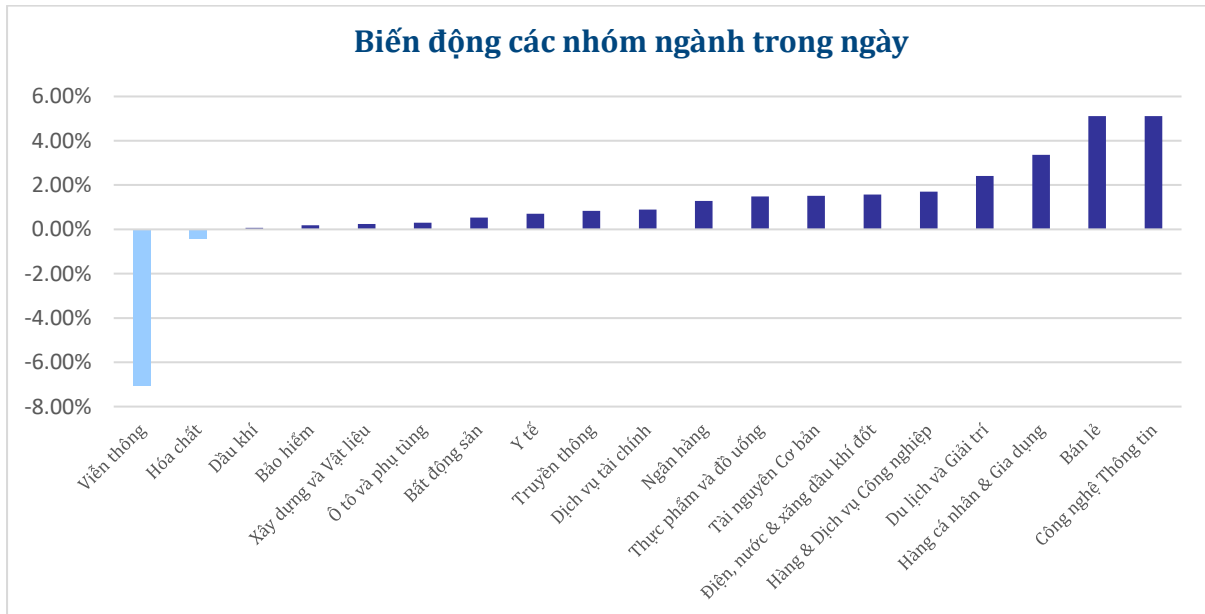


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

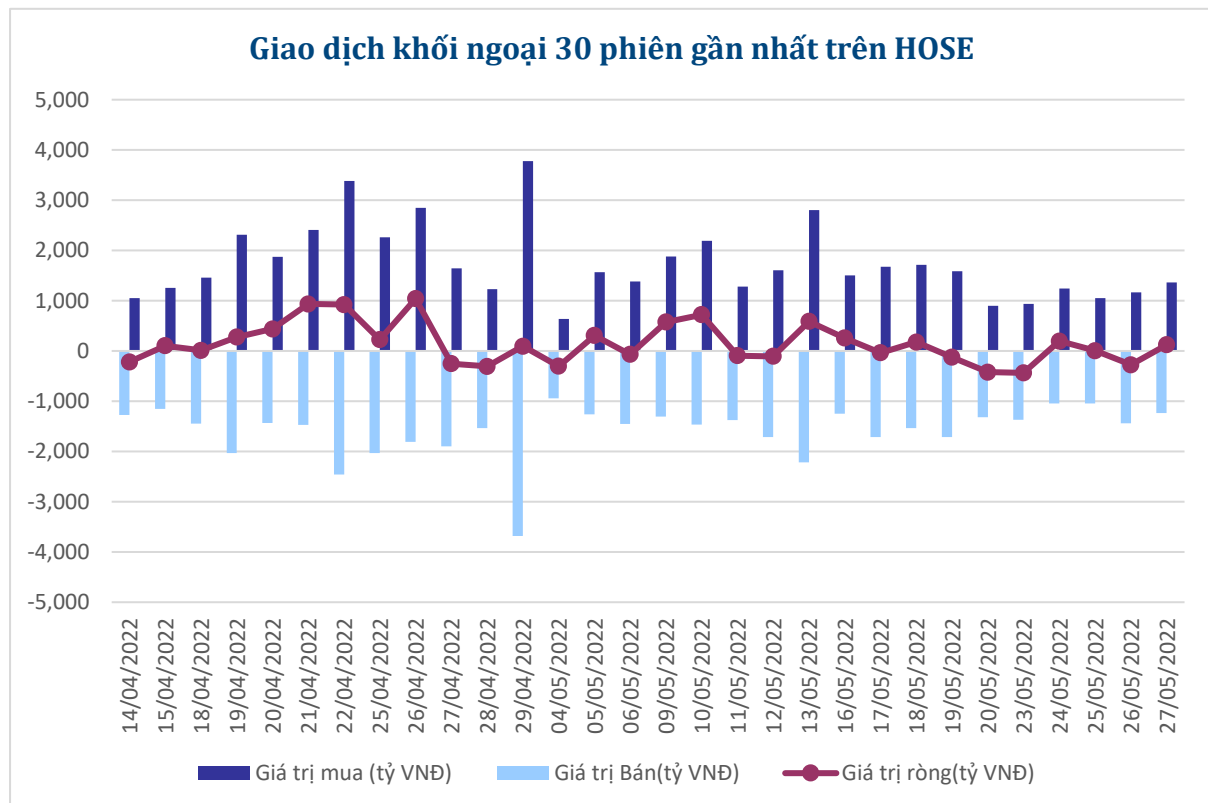




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

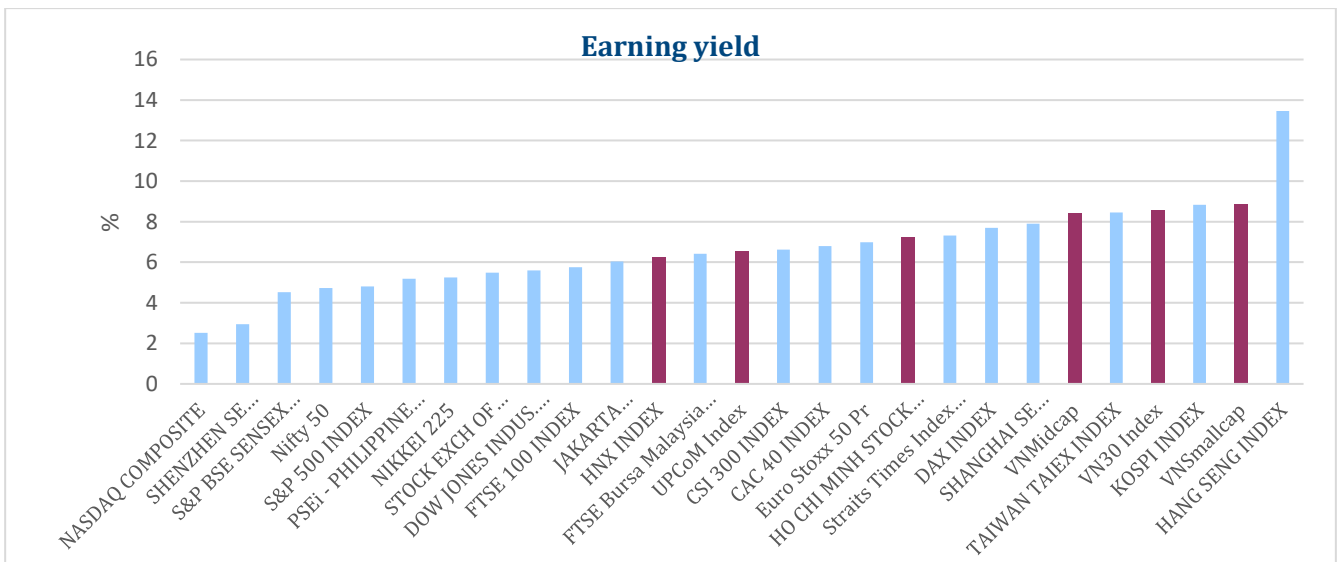
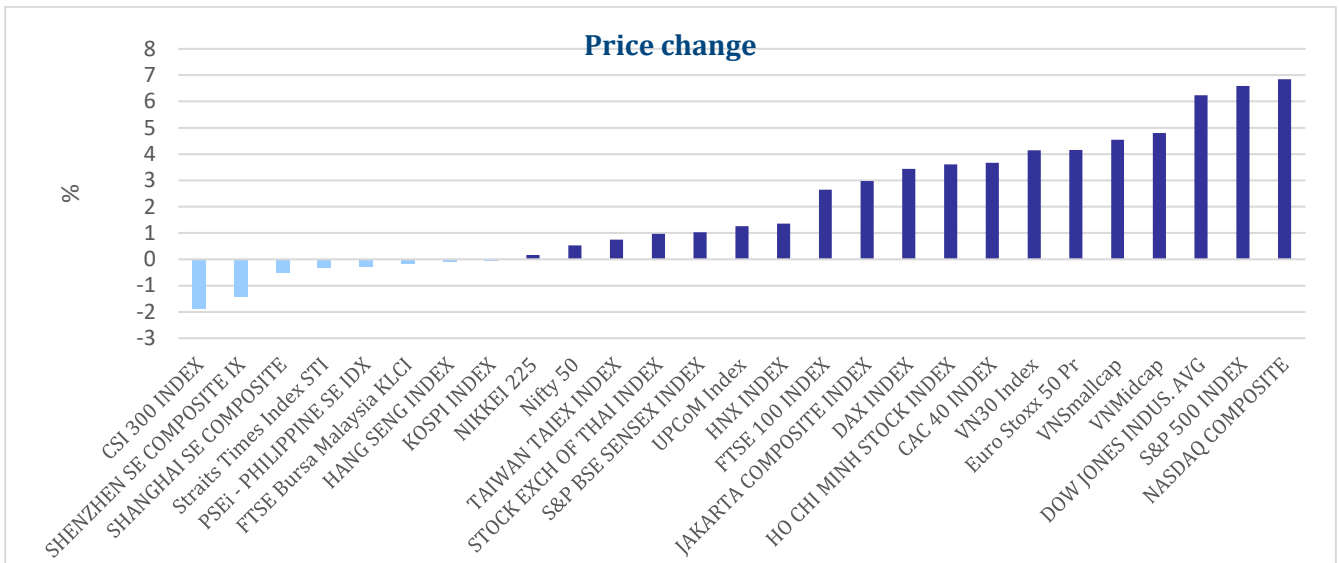
Trên HOSE mua ròng 123.62 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 17.23 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
FUEVFVND	122.53	DGC	89.69
VNM	56.81	NKG	71.17
VHM	54.89	TPB	30.23
FRT	44.66	SAB	21.63
HPG	36.11	KBC	20.76

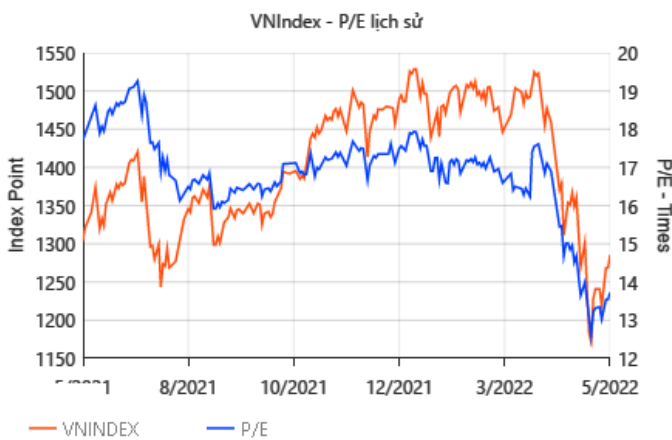




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

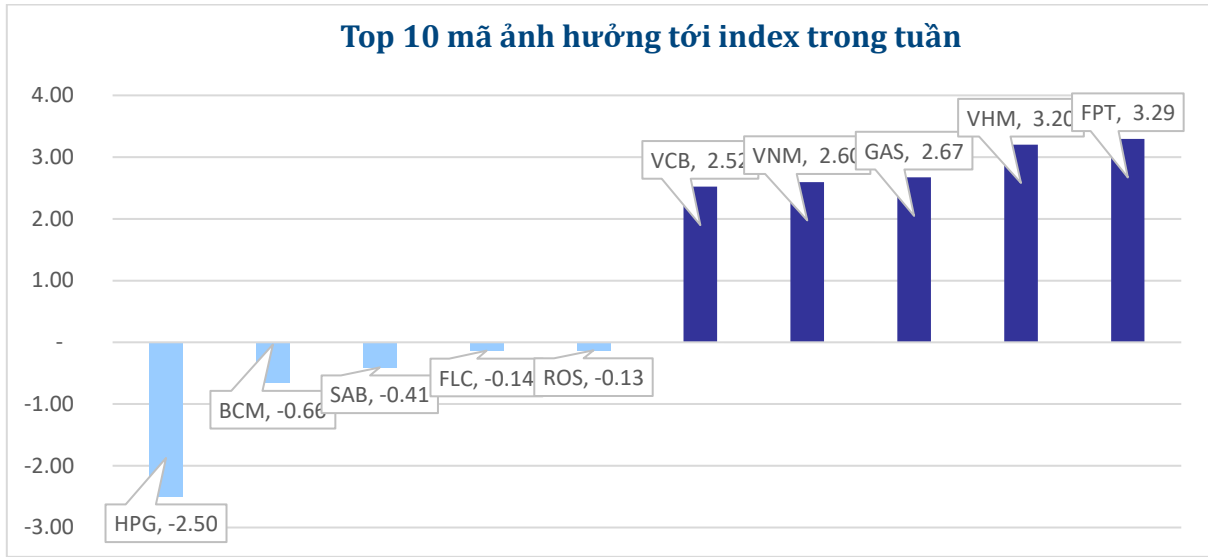


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



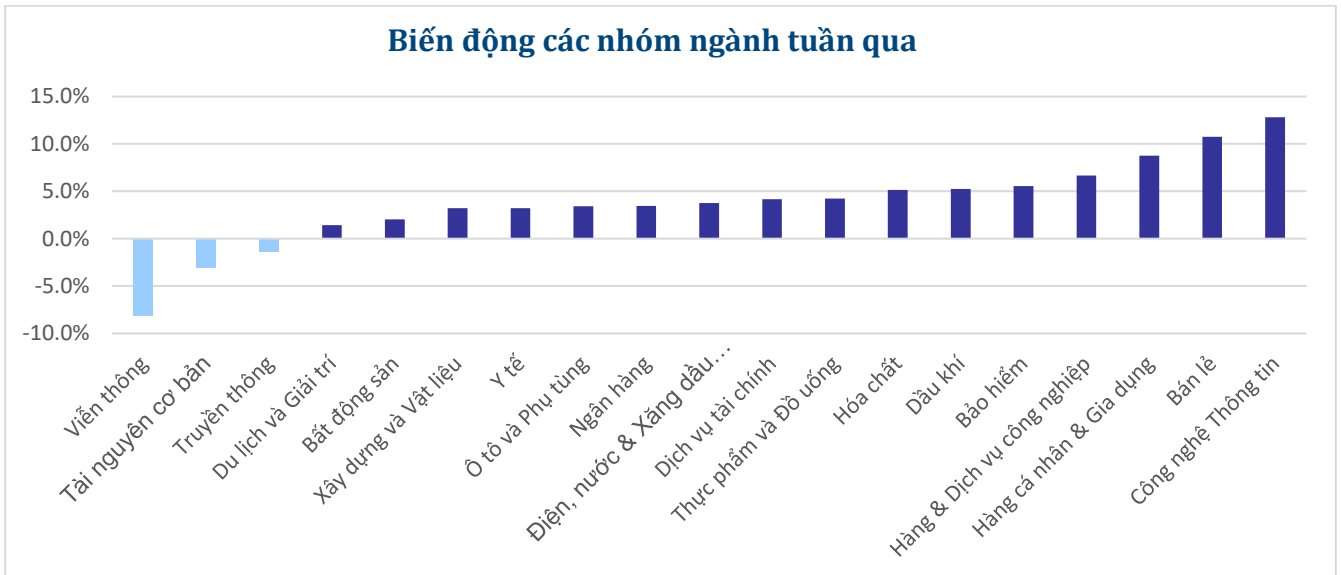


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



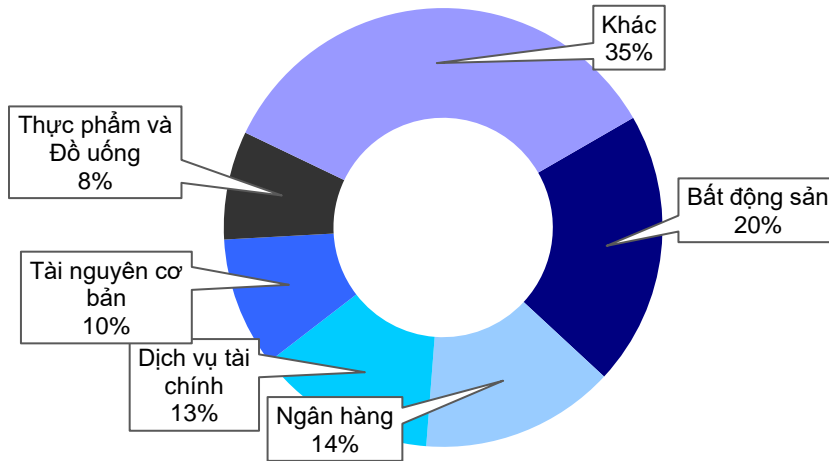
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	25.1	HPG	877.8	FUEVFNVD	2.06x	ANV	24.4%	ROS	-18.8%
SSI	24.0	SSI	678.7	SSI	1.97x	FRT	22.4%	FLC	-11.2%
STB	19.9	DIG	440.7	VCI	1.86x	IDI	21.4%	KLF	-7.0%
PVS	12.4	STB	431.6	SHS	1.85x	AMV	20.2%	HPG	-5.8%
HAG	12.3	PVS	348.2	AMV	1.83x	DGW	17.6%	THD	-5.4%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

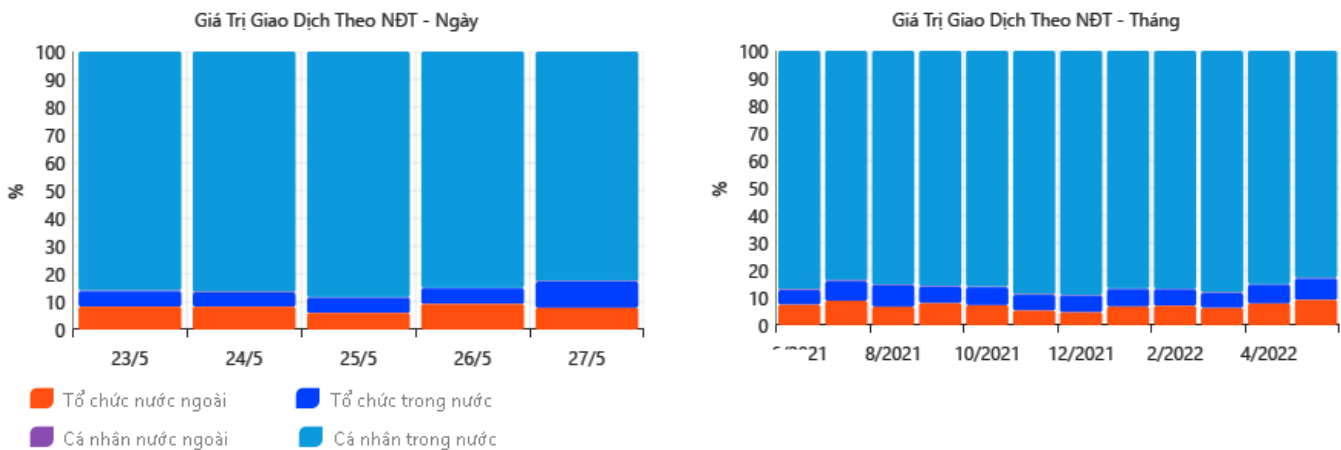


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-5.84%	7,354.3	HPG	-5.84%	1,552.7
SSI	5.10%	6,047.6	FUEVFNVD	9.84%	1,533.8
DIG	2.21%	4,300.6	MWG	9.48%	864.2
STB	3.01%	4,077.1	FPT	14.67%	713.3
NVL	0.77%	3,250.3	VHM	4.34%	693.2

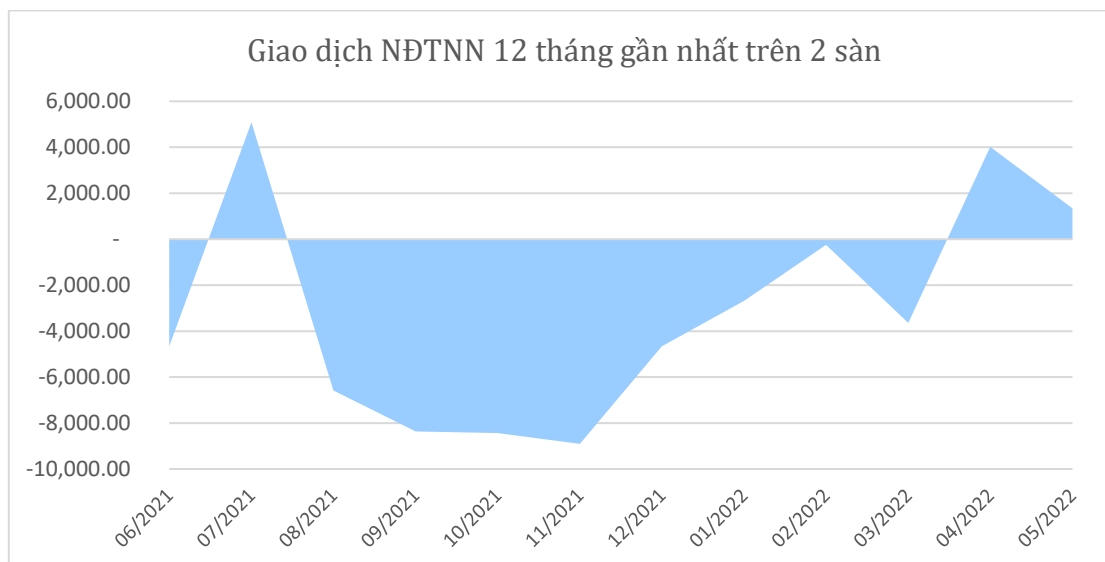
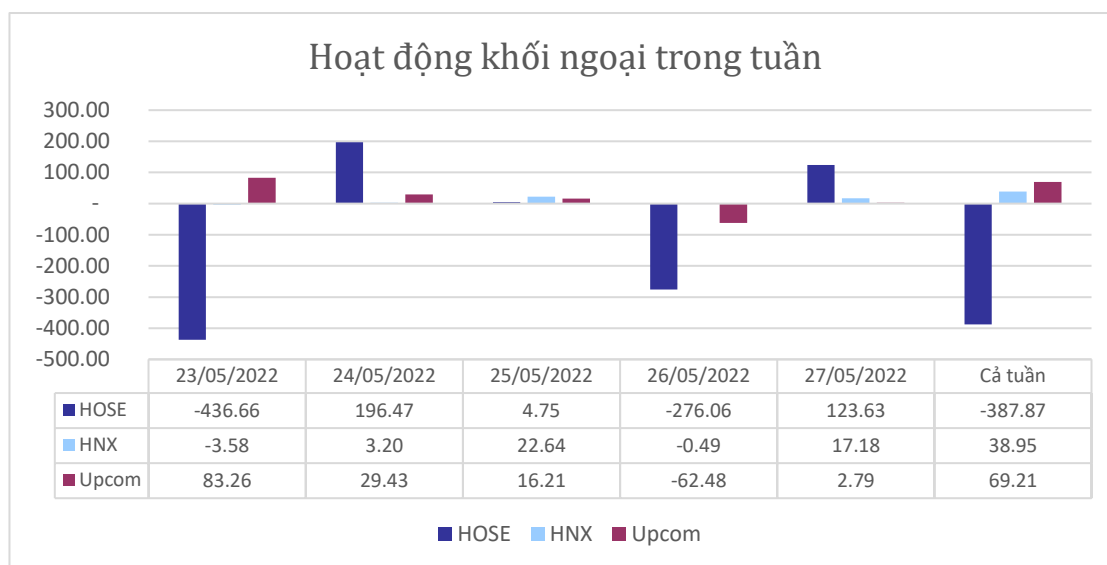
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

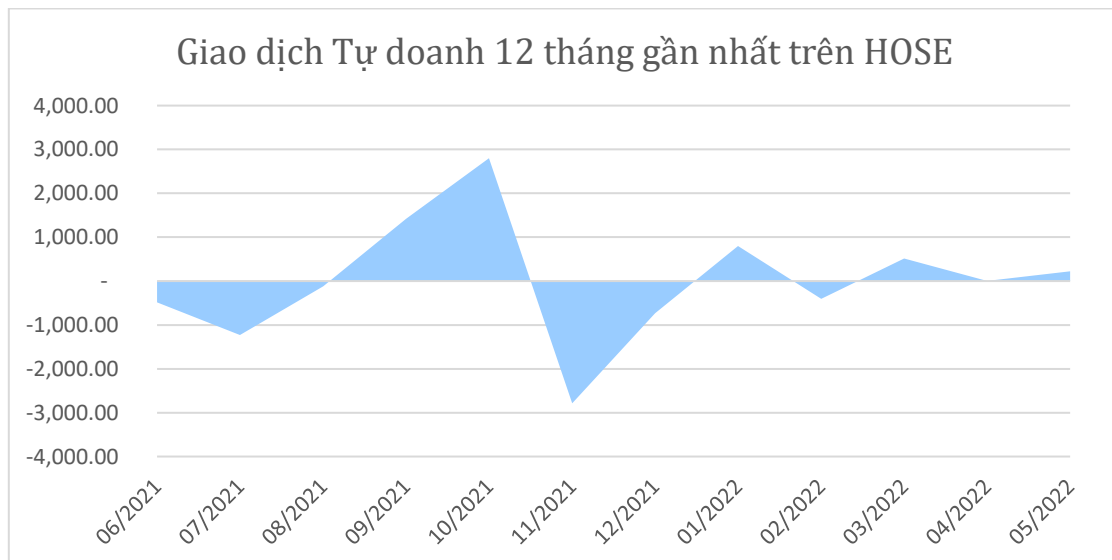
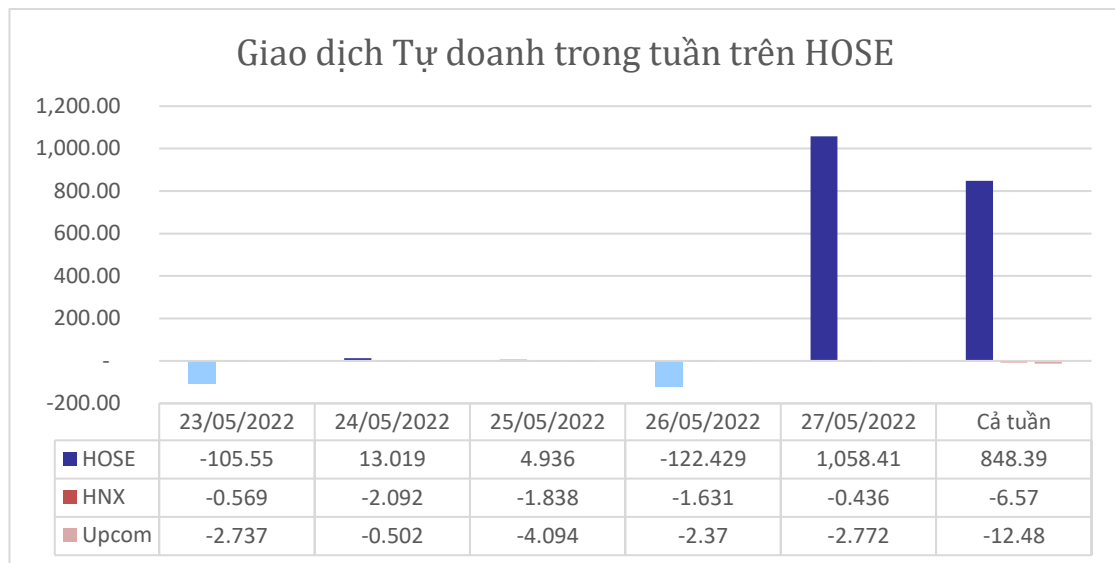
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEFVND	9.84%	428.30	HPG	-5.84%	332.46
DCM	8.28%	191.92	SSI	5.10%	235.56
DPM	2.34%	147.24	VND	1.44%	222.77
BSR	1.98%	103.75	VIC	0.26%	175.67
HDB	5.95%	97.95	DXG	1.30%	124.93





KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

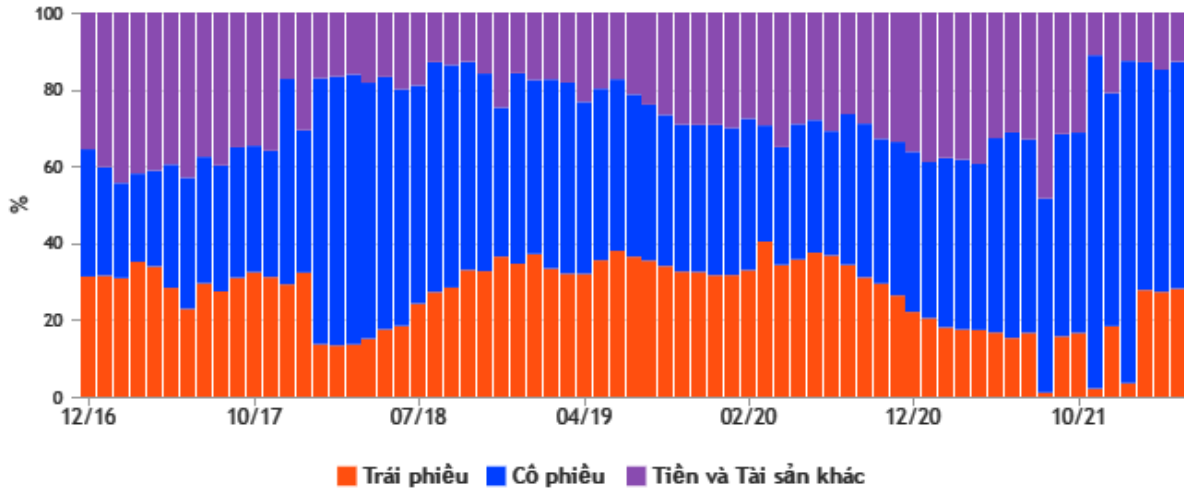
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
PNJ	15.38%	221.88	DXG	1.30%	108.57
MWG	9.48%	209.73	EIB	10.36%	72.83
FPT	14.67%	181.79	HPG	-5.84%	70.91
REE	17.59%	148.20	BCM	-3.29%	52.69
ACB	9.47%	107.50	CTR	4.57%	41.06



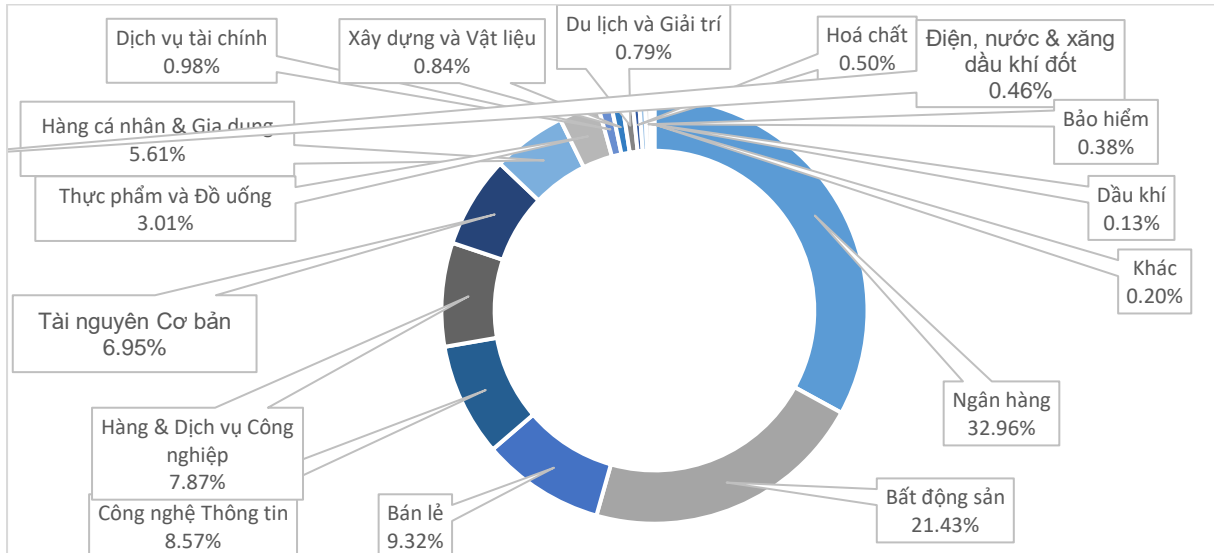


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

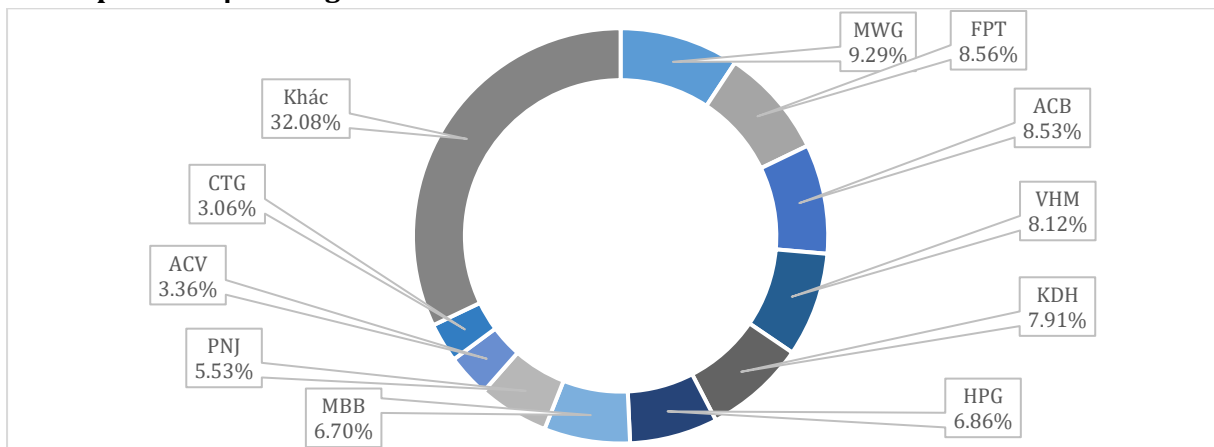
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
TNP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.700đ/cp)	30/05/22	31/05/22	17/06/22
PVE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
SD3	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
XPH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
MKP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	30/05/22	31/05/22	10/06/22
VDN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
DAH	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
CTW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (630đ/cp)	30/05/22	31/05/22	25/10/22
TCK	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
EMG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
SCG	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
DKC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (850đ/cp)	30/05/22	31/05/22	16/06/22
GTS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (790đ/cp)	30/05/22	31/05/22	01/07/22
GND	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	30/05/22	31/05/22	16/06/22
TMB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	30/05/22	31/05/22	16/06/22
BMI	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	30/05/22	31/05/22	30/06/22
NQN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
VSH	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	30/05/22	31/05/22	30/06/22
VE2	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
TDB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	30/05/22	31/05/22	28/06/22
YBM	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	25/06/22
TOW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300đ/cp)	30/05/22	31/05/22	16/06/22
DRG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/05/22
FPT	HSX	Niêm yết bổ sung 6.644.265 cp		30/05/22	30/05/22
DLG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	30/05/22	31/05/22	30/06/22
PIA	HNX	trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	30/05/22	31/05/22	15/06/22
MTB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (150đ/cp)	30/05/22	31/05/22	13/06/22
VHL	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.750 đ/cp)	30/05/22	31/05/22	06/07/22
MQB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250đ/cp)	30/05/22	31/05/22	16/06/22
GVT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.900đ/cp)	30/05/22	31/05/22	30/06/22
SIV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	30/05/22	31/05/22	15/06/22
UIC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (3.000 đ/cp)	30/05/22	31/05/22	10/06/22
MA1	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	31/05/22
LEC	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	31/05/22
NVL	HSX	Giao dịch đầu tiên 13.000.000 trái phiếu niêm yết			31/05/22
DNE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	31/05/22
VHM	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (2.000 đ/cp)	31/05/22	01/06/22	22/06/22
VLC	Upcom	Giao dịch 156.248.309 cổ phiếu niêm yết bổ sung	31/05/22	31/05/22	31/05/22
TDN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.400 đ/cp)	31/05/22	01/06/22	14/06/22
DDH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	31/05/22
VTI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	31/05/22
IVS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	31/05/22
VSE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/05/22	31/05/22	31/05/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
RAL	HSX	ĐHĐCĐ TN 2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (2.500 đ/cp)	31/05/22	01/06/22	10/06/22
STT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	31/05/22
TAC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/05/22	01/06/22	28/06/22
NVP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (118,6đ/cp)	01/06/22	02/06/22	04/07/22
LPB	HSX	Giao dịch đầu tiên 1.731.000 trái phiếu niêm yết			01/06/22
SSF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
ICF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
DRH	HSX	Giao dịch 63.353.933 cổ phiếu thay đổi niêm yết (chia 2 đợt)			01/06/22
HFB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (850đ/cp)	01/06/22	02/06/22	20/06/22
LPB	HSX	Giao dịch đầu tiên 13.854.705 trái phiếu niêm yết			01/06/22
SCC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
LPB	HSX	Giao dịch đầu tiên 16.022.095 trái phiếu niêm yết			01/06/22
LPB	HSX	Giao dịch đầu tiên 931.696 trái phiếu niêm yết			01/06/22
BVH	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	29/06/22
DRC	HSX	Thanh toán cổ tức bằng tiền còn lại năm 2021 (1.200 đ/cp)	01/06/22	02/06/22	16/06/22
PLC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	01/06/22	02/06/22	17/06/22
TC6	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (450 đ/cp)	01/06/22	02/06/22	22/06/22
TGP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
HAC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	01/06/22	02/06/22	22/06/22
VTO	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (800 đ/cp)	01/06/22	02/06/22	22/06/22
SSN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
TPS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
NSH	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
TAR	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/06/22	02/06/22	01/06/22
DHP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	02/06/22	03/06/22	22/06/22
ACB	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (100:25)	02/06/22	03/06/22	02/06/22
TNG	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400 đ/cp), trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 100:8)	02/06/22	03/06/22	01/07/22
LDG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 lần 2			02/06/22
NLS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (750đ/cp)	02/06/22	03/06/22	24/06/22
THN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	02/06/22	03/06/22	02/06/22
CLW	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	02/06/22	03/06/22	28/07/22
CTS	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2022	02/06/22	03/06/22	04/07/22
SFG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (200 đ/cp)	02/06/22	03/06/22	04/07/22
VMS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	02/06/22	03/06/22	02/06/22
RAL	HSX	Giao dịch 10.872.419 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			02/06/22
SPI	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	02/06/22	03/06/22	02/06/22
ICT	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	02/06/22	03/06/22	30/06/22
THG	HSX	Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2021 bằng tiền (500 đ/cp), cổ phiếu (tỷ lệ 100:25)	02/06/22	03/06/22	15/06/22
HNI	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.300đ/cp)	02/06/22	03/06/22	20/06/22
DLD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	02/06/22	03/06/22	02/06/22
SJD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	02/06/22	03/06/22	02/06/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
SAV	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 100:15)	02/06/22	03/06/22	10/06/22
HDW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	03/06/22	06/06/22	03/06/22
DGC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:117)	03/06/22	06/06/22	03/06/22
PXI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	03/06/22	06/06/22	03/06/22
FIR	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	03/06/22	06/06/22	03/06/22
DCH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	03/06/22	06/06/22	03/06/22
NKG	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2021 bằng tiền (1.000 đ/cp) và cp (tỷ lệ 100:20)	03/06/22	06/06/22	05/07/22
VLW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900đ/cp)	03/06/22	06/06/22	22/06/22
VGR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	03/06/22	06/06/22	16/06/22
TCH	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	03/06/22	06/06/22	05/07/22
CTX	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	03/06/22	06/06/22	03/06/22
GLC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	03/06/22	06/06/22	03/06/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696